

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HS-ST
Ngày: 16-8-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Khánh L1, sinh năm 1993 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị T1; Chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị H1 và có 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần theo Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPVPHC ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Trưởng Công an xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, phạt tiền 750.000 đồng, về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy, hiện chưa nộp phạt;

Tạm giữ: Ngày 01 tháng 6 năm 2022; Tạm giam: Ngày 04 tháng 6 năm 2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Trần Hải N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1998; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Dương Hồ V, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp LAA, xã PTA, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

2/ Nguyễn Quang H2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp PL, xã AL, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

3/ Dương Văn S, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp T, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

4/ Lê Thanh L2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Khóm x, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

5/ Trịnh Văn P1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 2000; Nơi cư trú: Ấp TL, xã HT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

6/ Lê Quang L3, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1962; Nơi cư trú: Số xxx đường PHL, khóm x, phường y, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

7/ Hà Minh P2 (còn có tên khác là T2), sinh năm 1976; Nơi cư trú: Ấp TB, xã HT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt

Người làm chứng: Đào Văn C1. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 05 tháng 6 năm 2019, anh Trần Hải N tổ chức uống rượu tại nhà ở khu dân cư GD thuộc ấp BHT, xã TTHA, huyện HN cùng với Nguyễn Văn Khánh L1, Võ Hồng K2, Đào Văn C1. Uống được một lúc thì anh C1, anh K2 nghỉ đi về nhà trước, còn L1, N uống hết 1,5 lít rượu còn lại và uống thêm 10 chai bia đến khoảng 21 giờ cả hai nghỉ, N vào phòng ngủ, L1 cũng ngủ lại nhà N. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, L1 thức giấc nảy sinh ý định lấy trộm

tài sản của N để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lúc này, L1 vào phòng ngủ của N lấy 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO-F9, màu xanh, 01 (một) ví da màu đen, bên trong có: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (mang tên Trần Hải N) và tiền Việt Nam 130.000 đồng L1 bỏ vào túi quần. Sau đó, L1 đi ra trước nhà thấy xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38, loại xe Exciter, màu cam-đen đang đậu, chìa khóa còn cắm trong ổ L1 dẫn xe ra đường nổ máy chạy đến cầu ST thuộc phường AL, thành phố HN, L1 dừng xe lại ném ví da xuống sông và điều khiển xe chạy về xã AL, huyện TN thuê nhà trọ (không nhớ tên) ngủ. Đến sáng ngày 06 tháng 6 năm 2019, L1 đem xe đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Quang H2 tại ấp PL, xã AL, huyện TN cầm với giá 25.000.000 đồng. Sau khi cầm xe, L1 gọi điện cho Dương Thành S1 (bạn L1) ở xã PT, huyện TN đến rước đi chơi, đến chiều cả hai về nhà trọ ngủ.

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2019, L1, S đến nhà Nguyễn Tấn C2 ở xã PTA, huyện TN chơi, L1 hỏi C2 biết ai mua bán xe không, C2 giới thiệu anh Dương Hồ V ngụ cùng xã là người mua bán xe cũ. Sau đó, L1, S, C2 đến nhà V kêu bán xe, L1 đưa V xem hình xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 trên điện thoại và nói xe đang cầm cho anh Nguyễn Quang H2 ở chợ AL, V đồng ý mua với giá 30.500.000 đồng, V hẹn trưa tới nhà anh H2 xem xe. Sau khi kêu bán xe, L1 đem điện thoại OPPO F9 trộm được đến tiệm điện thoại (không nhớ tên) ở chợ Khu b, thuộc xã PTA bán với giá 3.000.000 đồng, sau khi bán điện thoại, L1 rủ C2, S đi uống rượu, sau đó, L1 về nhà trọ ngủ.

Đến trưa ngày 13 tháng 6 năm 2019, L1 đưa giấy cầm xe cho S, V, rồi cả hai đến nhà anh H2 xem và kiểm tra xe, sau khi xem xe xong, V lấy 25.200.000 đồng (gồm: tiền cầm xe là 25.000.000 đồng và tiền lãi suất là 200.000 đồng) trả cho anh H2, anh H2 giao xe và các giấy tờ liên quan cho V.

Sau đó, anh V đưa cho S số tiền mua xe còn dư lại là 5.300.000 đồng về đưa lại cho L1. Sau khi lấy tiền bán xe còn lại, L1 đi qua xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang lần trốn.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh V bán xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 bán lại cho anh Lê Quang L3 ngụ phường y, thành phố CL giá 33.800.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2019, anh L3 bán xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 cho anh Hà Minh P2 ngụ xã HT, huyện LV giá 35.000.000 đồng.

Đến ngày 20 tháng 6 năm 2019, anh P2 bán xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 cho anh Trịnh Văn P1 ngụ cùng xã giá 38.000.000 đồng. Sau đó, anh P2 yêu cầu anh Liêm làm thủ tục để sang tên xe qua cho anh P1.

Đến ngày 22 tháng 6 năm 2019, anh Lê Quang L3 gặp anh Lê Thanh L2 (quen biết với nhau do cùng làm thủ tục mua bán xe và đăng ký xe mô tô) ngụ phường AT, thành phố HN đưa giấy đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hải N và giấy chứng minh nhân dân của anh Trịnh Văn P1 nhờ rút hồ sơ đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38.

Đến ngày 24 tháng 6 năm 2019, anh Lê Thanh L2 tự viết nội dung trong giấy mua bán xe và tự ký tên anh N bên bán, anh P1 bên mua, sau đó, L2 đem giấy mua bán xe đến bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân (UBND) xã TL chứng thực nhưng không có cán bộ trực, nên Liêm đến phòng làm việc của anh Dương Văn S (Phó Chủ tịch UBND xã TL) chứng thực. Sau đó, anh L2 mang giấy mua bán xe đến Đội Cảnh sát giao thông- trật tự Công an huyện HN làm thủ tục rút hồ sơ đăng ký xe. Qua kiểm tra, Đội Cảnh sát giao thông- trật tự phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN thông báo là xe bị mất trộm nên tạm giữ các giấy tờ liên quan và thông báo cho Cơ quan điều tra mời anh L2 về làm việc.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LV mời anh P1 làm việc và thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38 và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi trộm tài sản của anh N, L1 bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra Quyết định truy nã L1. Đến ngày 01 tháng 6 năm 2022, L1 đến Công an xã TTHA đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, số máy: G3D4E-725866, số khung: RLCUG0610JY697740, màu sơn cam-đen; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66G1-471.38 và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hải N, tất cả đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 07/KLĐG-TTHS, ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện HN, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 66G1-471.38, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, số máy: G3D4E-725866, số khung: RLCUG0610JY697740, màu sơn cam-đen, đã qua sử dụng, trị giá 30.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F9, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 13/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện HN, kết luận: 01 (một) ví da (bóp) màu đen, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không đủ cơ sở định giá.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Khánh L1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSHN ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự truy tố bị cáo Nguyễn Văn Khánh L1 về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Hải N không yêu cầu Nguyễn Văn Khánh L1 phải bồi thường nên không xem xét, nên Viện kiểm sát không đề cập đến; Đối với số tiền bán xe xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter cho anh Dương Hồ V, bị cáo và gia đình đã bồi thường cho anh V 20.000.000 đồng, anh V đã nhận và không yêu cầu gì thêm, nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 66G1-471.38 và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hải N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN đã trả lại cho bị hại anh Trần Hải N là phù hợp; Đối với 01 (một) ví da màu đen, sau khi Nguyễn Văn Khánh L1 lấy giấy đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân và tiền Việt Nam 130.000 đồng, khi L1 chạy xe đến cầu ST thuộc phường AL, thành phố HN đã ném xuống sông. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN ra thông báo truy tìm nhưng không thu hồi được. Đối với giấy bán, cho, tặng xe ngày 24 tháng 6 năm 2019, đề nghị tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án theo quy định.

Đối với Dương Thành S1, Nguyễn Tấn C2 là người giới thiệu L1 bán xe cho anh Dương Hồ V, anh S, anh C2 không biết xe mô tô L1 đem bán là tài sản lấy trộm nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Nguyễn Quang H2 là người cầm xe, anh H2 không biết xe L1 cầm là tài sản lấy trộm nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Về phần dân sự, anh H2 đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì khác.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 66G1- 471.38 anh Dương Hồ V mua xe của L1. Sau đó, anh V bán lại cho anh Lê Quang L3, anh L3 bán lại cho anh Hà Minh P2, anh P2 bán lại cho anh Trịnh Văn P1. Về trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận xong nên không xem xét.

Đối với anh Dương Văn S là người chứng thực giấy bán, cho, tặng xe ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa anh Trần Hải N và anh Trịnh Văn P1 (khi còn làm Phó Chủ tịch UBND xã TL) không đúng quy trình chứng thực theo quy định. Đối với sự việc trên, hiện anh S là Phó Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện HN, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN đã kiến nghị đến Phòng Văn hóa - Thông tin huyện HN đề nghị kiểm điểm anh S về hành vi trên.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của bị hại Trần Hải N, bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận và lời nói sau cùng.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Hải N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thanh L2 không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với nội dung của cáo trạng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và còn được chứng minh bởi các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án được đánh giá tại phiên tòa hôm nay như: biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, kết luận định giá ... có thể nhận thấy rằng chỉ vì muốn có thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không cần phải lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, cụ thể: bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của anh Trần Hải N nên đã thực hiện việc lén lút lấy trộm của anh Trần Hải N 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 và số tiền 130.000 đồng, tổng cộng số tiền đã chiếm đoạt là 33.630.000 đồng.

[3] Như vậy, với các tình tiết, chứng cứ của vụ án đã được chứng minh ở trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Khánh L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự, như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm sản xuất. Bản thân bị cáo có sức khỏe, đáng ra các bị cáo phải tìm cho mình một việc phù hợp, sống bằng chính nguồn thu nhập hợp pháp của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một cách nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện răn đe, giáo dục, giúp bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; xét về nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động. Vì vậy, áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, điều kiện kinh tế thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh, nên không đề cập đến.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) giấy bán, cho, tặng xe ngày 24 tháng 6 năm 2019 có chứng thực của UBND xã TL, huyện HN là vật chứng của, đã đánh bút lục đưa vào hồ sơ vụ án, nghĩ tiếp tục lưu hồ sơ vụ án là phù hợp.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Các vấn đề khác cáo trạng không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Khánh L1 phạm “Tội trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.
3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Khánh L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2022.
4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Khánh L1 chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Thanh L2 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16 tháng 8 năm 2022). Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lương Bằng